

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
và cấp dưỡng nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Minh Đức;

2. Ông Lý Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 603/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị T, sinh năm 1993; HKTT: Số 151/5 ấp Đ, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Hoàng Minh H, sinh năm 1987; HKTT: Ấp H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; tạm trú: Ấp L1, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà T có mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông H vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn ngày 03/10/2017, bản tự khai, biên bản làm việc, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (bà T) trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015. Hôn nhân có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 16/9/2015 tại UBND xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi lẫn nhau, nghe nói ông H có người phụ nữ khác, ông H thường có hành vi đánh đập vợ dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, không còn tình cảm. Hiện nay, bà T thấy rằng tình trạng hôn nhân đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông H.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống, bà T và ông H có 01 con chung tên Hoàng Hà Thu A, sinh ngày 06/11/2015. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ mà bà T giao nộp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện : 01 bản sao Sổ hộ khẩu; 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; 01 bản tự khai ngày 21/9/2017; 01 bản photo giấy khai sinh của con Hoàng Hà Thu A, sinh ngày 06/11/2015; 01 bản photo cuốn tập học sinh, bên trong có nội dung liệt kê về ngày, tháng, năm và số tiền. Ngoài ra, bà T không cung cấp ý kiến gì khác.

*** Bị đơn (ông H):**

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định như tổng đạt trực tiếp cho bị đơn ông H để bị đơn ông H biết và tham gia giải quyết vụ án nhưng ông H cố tình vắng mặt không tham quá trình giải quyết vụ án không có lý do nên không thu thập được ý kiến của ông H.

*** Xác minh và làm việc của Tòa án:**

Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh nơi cư trú về sự mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông H, đã xác định được: Trong cuộc sống vợ chồng bà T và ông H thì địa phương không thấy phát sinh mâu thuẫn gì lớn vì gia đình không báo cho chính quyền địa phương biết; tại địa phương bà T thường xuyên không ở cùng ông H.

Ông V là người dân ở sát với nơi tạm trú của ông H (nhà khoa Nhân Tâm) cho biết: Ông H và bà T thường xuyên cãi nhau, cách đây vài tháng thì bà T đã bỏ đi về nhà mẹ đẻ để sinh sống.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông Thịnh) có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, đã có

mặt nguyên đơn bà T, bị đơn ông H được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn ông H là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, giao con cho nguyên đơn nuôi và cấp dưỡng nuôi con mức 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 8 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà T có mặt, bị đơn ông H đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn ông H thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc vắng mặt của bị đơn ông H là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà T khởi kiện bị đơn ông H về việc ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hoàng Hà Thu A, sinh ngày 06/11/2015 và yêu cầu bị đơn ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Bị đơn ông H có hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; tạm trú tại ấp L1, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (có xác nhận của chính quyền địa phương). Bị đơn ông H có nơi cư trú tại ấp L1, xã L, huyện D nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn bà T và bị đơn ông H chung sống với nhau từ năm 2015. Hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 16/9/2015 tại UBND xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Hôn nhân giữa nguyên đơn bà T và bị đơn ông H là sự tự nguyện giữa hai bên và thực hiện đúng thủ tục quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, nguyên đơn bà T và bị đơn ông H thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, nguyên đơn bà T cho rằng bị đơn ông H có người phụ nữ khác, ông H thường có hành vi đánh đập vợ. Nguyên đơn bà T xác định vợ chồng đã có quá nhiều mâu thuẫn, nguyên đơn không còn tình cảm vợ chồng với bị đơn nên không thể chung sống với nhau được nữa nên muốn ly hôn để không làm khổ cho cả hai. Ngược lại, bị đơn ông H không tham gia vào quá trình tố tụng, không có ý kiến phản bác lại ý kiến của bà T. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ

chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng nguyên đơn bà T và bị đơn ông H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân thì không có lợi gì cho cả hai. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 56, 91 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết việc xin ly hôn của nguyên đơn bà T và bị đơn ông H là phù hợp quy định pháp luật.

- *Về nuôi con chung*: Quá trình chung sống, giữa nguyên đơn bà T và bị đơn ông H có 01 con chung tên Hoàng Hà Thu A, sinh ngày 06/11/2015. Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bị đơn ông H không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì. Theo quy định tại Điều 81, 82, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc nuôi con sau khi ly hôn là trách nhiệm, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên; con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. Hiện con chung Hoàng Hà Thu A, sinh ngày 06/11/2015 (chưa đủ 36 tháng tuổi), mẹ có nghề nghiệp ổn định, có thu nhập, đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao con cho nguyên đơn bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Nguyên đơn bà T yêu cầu bị đơn ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung Hoàng Hà Thu A, sinh ngày 06/11/2015 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn bà T cung cấp chứng cứ chứng minh thu nhập của bị đơn ông H để làm căn cứ giải quyết vụ án nhưng nguyên đơn bà T không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho việc bị đơn ông H có khả năng cấp dưỡng nuôi con như mức nguyên đơn bà T yêu cầu. Đối với cuốn tập học sinh bên trong có nội dung liệt kê về ngày, tháng, năm và số tiền nhưng không có căn cứ xác định đây là sổ ghi chép mức thu nhập của bị đơn ông H nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, theo quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì bị đơn ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và mức cấp dưỡng nuôi con không được thấp hơn $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở. Căn cứ mặt bằng, đời sống chung của nhân dân trên địa bàn huyện Dầu Tiếng, cần buộc bị đơn ông H phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn bà T không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Nguyên đơn bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bị đơn ông H phải chịu án phí cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 91, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của bà Hà Thị T đối với ông Hoàng Minh H, xử lý cụ thể như sau:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Hà Thị T được ly hôn đối với ông Hoàng Minh H.

2. *Về con chung:* Bà Hà Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Hoàng Hà Thu A, sinh ngày 06/11/2015. Ông Hoàng Minh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Hoàng Hà Thu A, sinh ngày 06/11/2015 với số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H không thực hiện việc cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng ông H còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

II. Về án phí:

1. Bà Hà Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0005757 ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Hoàng Minh H phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 23.01.2018).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu cơ quan thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu khởi kiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng